

Số: 364/BC-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo
và phòng, chống tham nhũng 09 tháng đầu năm 2022,
phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2022**

Kính gửi: Thanh tra Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 1589/TTCP-KHTH ngày 12/9/2022 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo kết quả công tác thanh tra Quý III năm 2022 và kết quả công tác 9 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả công tác 09 tháng đầu năm 2022 như sau:

PHẦN I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC
09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

I. CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra hành chính

Đã giao các cơ quan Thanh tra chủ động liên hệ thực tế ngành, địa phương để xây dựng kế hoạch đúng trọng tâm, bám sát Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra năm 2022 của Thanh tra Chính phủ, phù hợp với khả năng, nguồn lực của đơn vị và địa phương, trình thủ trưởng cơ quan cùng cấp phê duyệt theo quy định.

Kết quả, đã tổ chức thực hiện 63 cuộc (*kỳ trước chuyển sang 07 cuộc, 47 cuộc theo kế hoạch và 16 cuộc đột xuất*) tăng 29% so với cùng kỳ, các cuộc thanh tra ở lĩnh vực tài chính ngân sách (19/63 cuộc chiếm 30%), còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản¹. Hiện đã ban hành kết luận 34 cuộc. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm 9.384 triệu đồng và 7.209 m² đất, kiến nghị thu hồi 3.008 triệu đồng, kiến nghị khác 6.375 triệu đồng và 7.209 m² đất, kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ 01 đối tượng².

¹ Riêng Thanh tra tỉnh đã tham mưu, thực hiện 10 cuộc (03 cuộc kỳ trước chuyển sang, 07 cuộc kế hoạch, 03 cuộc đột xuất), chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai (05/10 cuộc chiếm 50%), đã ban hành 06 kết luận thanh tra. Qua thanh tra đã kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý khác đối với số tiền 6.528 triệu đồng và 4.424 m² đất; kiến nghị kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với 35 cá nhân dễ xảy ra sai phạm.

Đã thực hiện xong 02 cuộc kiểm tra: cuộc kiểm tra việc xử lý tài sản nhà đất quốc hữu hóa sau năm 1975 của Công ty Xăng dầu Tây Ninh và cuộc kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất quy hoạch Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen, đã có báo cáo UBND tỉnh.

Theo dõi, đôn đốc thực hiện xong 19 kết luận, đã thực hiện xong 06 kết luận¹, thu hồi 995/16.299 triệu đồng.

² Chuyển cơ quan điều tra đối với việc ông Đặng Ngọc Phi ngụ tại thành phố Tây Ninh có hành vi gian dối, cố ý lập hồ sơ để được cấp 02 GCNQSDĐ cùng 01 thửa đất sử dụng để thế chấp ngân hàng, có dấu hiệu của "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định của Bộ Luật Hình sự 2015.

Tỉnh đã tiến hành đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện xong 30/67 kết luận thanh tra, đã thu được 3.132/18.883 triệu đồng, 25.653/58.641 m² đất; xử lý khác 6.927/8.083 triệu đồng; đã xử lý hành chính đối với 04 tổ chức và 104 cá nhân³.

2. Thanh tra chuyên ngành

Đã giao Thanh tra các sở tiến hành triển khai 5.588 cuộc thanh, kiểm tra (giảm 18% so với cùng kỳ), ban hành kết luận 5.562 cuộc đối với việc chấp hành pháp luật của 22.575 cá nhân và 706 tổ chức, phát hiện 398 cá nhân và 116 tổ chức vi phạm, đã ban hành 455 quyết định xử phạt hành chính với số tiền 5.414 triệu đồng, số tiền đã thu qua kiến nghị thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính là 5.414 triệu đồng (đạt 100%), kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ 01 đối tượng⁴, vi phạm chủ yếu trong lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế,...

3. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Tỉnh đã triển khai 16 cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, ban hành kết luận 08 cuộc đối với 09 đơn vị. Qua thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế như cập nhật sổ tiếp công dân chưa kịp thời; giải quyết đơn quá hạn, thực hiện giải quyết đơn tố cáo chưa đúng trình tự, thủ tục vi phạm nguyên tắc giải quyết tố cáo, việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức còn nhiều sai sót theo quy định và áp dụng chưa đúng tiêu chuẩn định mức, chế độ,...

4. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng

UBND tỉnh kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo⁵, chấn chỉnh, tăng cường về công tác công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ⁶;

³ Xử lý kỷ luật hình thức khiển trách đối với ông Lê Long Bá, Chủ tịch phường Gia Lộc; các tổ chức, cá nhân còn lại thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm tại đơn vị.

⁴ Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra về hành vi buôn bán phân bón giả với số hàng giả tương đương hàng thật là 85 triệu đồng đối với cơ sở Nguyễn Văn Lành, huyện Bến Cầu; Công an huyện Bến Cầu kết luận không đủ điều kiện khởi tố đã trả hồ sơ, đã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

⁵ Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; kế hoạch số 5001/KH-UBND ngày 29/12/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022; Công văn 4006/UBND-TD ngày 11/11/2021 về việc chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Công văn số 8105/VPCP-V.I ngày 05/11/2021 của Văn phòng Chính phủ; Công văn 4219/UBND-TD ngày 24/11/2021 về việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam theo Công văn số 8252/VPCP-V.I ngày 11/11/2021 của Văn phòng Chính phủ; Công văn 4144/UBND-TD ngày 19/11/2021 tiếp tục chấn chỉnh công tác tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án; Công văn 116/VP-TD ngày 11/01/2022 chấn chỉnh công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo kiến nghị của Hội đồng nhân dân,...

⁶ Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với việc thực hiện Quy chế số 11-QC/TU, ngày 25/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị của dân; Công văn số 1082-CV/TU, ngày 15/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh kiến nghị của dân; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; Công văn số 1889/TTCP-KHTH ngày 26/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2022 Công văn số 8105/VPCP-V.I ngày 05/11/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2021; Kế hoạch số 1910/KH-TTTP ngày 29/10/2021 của Thanh tra Chính phủ rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài tại các cơ quan Trung ương; Công văn số 8252/VPCP-V.I ngày 11/11/2021 của

quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Thông tư mới liên quan đến công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng⁷; qua đó, góp phần triển khai công tác thanh tra hiệu quả, đồng bộ; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức các cấp, các ngành về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng

UBND tỉnh tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, lồng ghép với pháp luật thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại các huyện, thị xã, thành phố được 45.167 lượt người dự. Đài phát thanh truyền hình tỉnh đã đưa 40 tin phát thanh và truyền hình; Đài Truyền thanh huyện đã đưa 330 tin, bài tuyên truyền với thời lượng 5.771 phút, cấp phát 53 loại tài liệu; Thanh tra tỉnh đăng 14 bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng, chống tham nhũng trên Cổng Zalo hành chính công tỉnh Tây Ninh. Qua đó, đã giúp cán bộ công chức và nhân dân có sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật được nâng lên, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức trong lĩnh vực thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

Thanh tra tỉnh kiểm tra 30 kết luận thanh tra⁸, 01 báo cáo kết quả kiểm tra⁹, 01 Kết luận nội dung tố cáo¹⁰ chỉ ra một số hạn chế như: nội dung thanh tra chưa có trọng tâm, chưa đảm bảo với yêu cầu nội dung đề ra của quyết định thanh tra; kết luận chưa nêu được quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, chưa xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, chưa phản ánh đúng nội dung kiểm tra, kiến nghị biện pháp xử lý chưa phù hợp; chưa xác định được cá nhân liên quan để xảy ra hạn chế để làm cơ sở chấn chỉnh, khắc phục; kết luận nội dung tố cáo không đúng theo hướng dẫn tại Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Tố cáo.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ có liên quan

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị¹¹. Thanh tra tỉnh chủ động phối hợp, rà soát với các sở, ngành có liên quan và các sở,

Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh,

⁷ Thông tư số 06/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định về tổ chức, hoạt động, của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra; Thông tư số 07/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh,...

⁸ 02 KLTT của UBND huyện Bến Cầu; 02 KLTT Thanh tra thị xã Hòa Thành; 04 KLTT của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; 03 KLTT của Sở Thông tin và Truyền thông; 03 KLTT của Sở Nội vụ; 03 KLTT của UBND huyện Gò Dầu. 01 KLTT của UBND Thành phố Tây Ninh; 01 KLTT của Sở Tư pháp; 01 KLTT của Thanh tra huyện Gò Dầu; 03 KLTT của Thanh tra Huyện Dương Minh Châu; 01 KLTT Thanh tra huyện Tân Biên; 01 KLTT của UBND thị xã Trảng Bàng; 01 KLTT của UBND huyện Châu Thành; 02 KLTT của Thanh tra Giao Thông Vận tải; 01 KLTT của UBND huyện Tân Châu; 01 KLTT của Sở TNMT

⁹ 01 Báo cáo Kết luận kiểm tra của UBND huyện Bến Cầu.

¹⁰ 01 Kết luận số 01/KL-UBND ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành.

¹¹ Công văn số 1543/UBND-KTTC ngày 08/6/2017 và Công văn số 343/UBND-KTTC ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung của Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp.

ngành tự phối hợp điều chỉnh xử lý tránh chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra nên không xảy ra trường hợp trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp.

Đề xuất định hướng Chương trình thanh tra năm 2023; báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm và phương hướng 06 tháng cuối năm 2022 và báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ quý II năm 2022 gửi Thanh tra Chính phủ; tự kiểm tra và báo cáo Thanh tra Chính phủ việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của ngành thanh tra từ năm 2020 đến 2022.

II. CÔNG TÁC TIẾP DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

Toàn tỉnh đã tiếp 1.200 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị (giảm 07% so cùng kỳ năm 2021); đến trình bày 1.091 vụ việc (tăng 02%); có 07 lượt đoàn đông người (giảm 42%)¹².

2. Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan hành chính Nhà nước trong tỉnh tiếp nhận 1.662 đơn (tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021) trong đó có 1.316 đơn đủ điều kiện xử lý gồm 127 đơn khiếu nại, 48 đơn tố cáo và 1.141 đơn kiến nghị, phản ánh. Sau khi xử lý 175 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện đã hướng dẫn 57 đơn, chuyển 68 đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đơn đốc giải quyết 05 đơn, thụ lý 34 đơn khiếu nại, 11 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền¹³. Nội dung khiếu nại, tố cáo chủ yếu trong lĩnh vực hành chính chiếm 66% (trong đó, khiếu nại, tố cáo về đất đai chiếm 48%; lĩnh vực công chức, công vụ 16%, lĩnh vực chế độ chính sách 05%, lĩnh vực khác 31%); lĩnh vực tư pháp chiếm 07%; lĩnh vực khác chiếm 27%.

3. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý là 55 đơn/55 vụ việc (43 đơn khiếu nại, 12 đơn tố cáo), trong đó có 45 đơn mới phát sinh (34 đơn khiếu nại, 11 đơn tố cáo). Đã giải quyết 44 đơn (33 đơn khiếu nại, 11 đơn tố cáo), đạt 80% trên tổng số thụ lý.

3.1. Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền

Tổng số là 43 đơn khiếu nại (có 09 đơn kỳ trước chuyển sang), với 43 vụ việc (có 34 vụ việc mới phát sinh, tăng 42% so với cùng kỳ), đã giải quyết 33 đơn¹⁴ (trong đó 23 đơn giải quyết bằng quyết định hành chính), đạt 77% trên tổng thụ lý; kết quả

¹² Trong đó: Trụ sở Tiếp công dân của UBND tỉnh tiếp 136 lượt (giảm 13%) đến trình bày 100 vụ (tăng 15%), 01 đoàn đông người (giảm 67%); các sở, ban, ngành đã tiếp 146 lượt (tăng 30%) đến trình bày 145 vụ (tăng 34%), không đoàn đông người (không thay đổi so cùng kỳ); Ban Tiếp công dân huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn tiếp 918 lượt (giảm 10%) đến trình bày 846 vụ (giảm 03%), có 06 lượt đoàn đông người (giảm 33%)

¹³ Cụ thể: Trụ sở Tiếp công dân tỉnh đã tiếp nhận 316 đơn trong đó có 119 đơn đủ điều kiện xử lý, chiếm tỷ lệ 38%; sau khi xử lý 38 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện Trụ sở Tiếp công dân tỉnh đã có 14 văn bản hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, 13 đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đơn đốc giải quyết 04 đơn và 05 đơn khiếu nại, 02 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền. Các sở, ngành trong tỉnh tiếp nhận 291 đơn thư trong đó có 221 đơn đủ điều kiện xử lý, chiếm tỷ lệ 76%; sau khi xử lý 72 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện các sở, ngành tỉnh đã có 29 văn bản hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, 39 đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; 03 đơn khiếu nại, 01 tố cáo thuộc thẩm quyền. Các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tiếp nhận 1.055 đơn trong đó có 976 đơn đủ điều kiện xử lý, chiếm tỷ lệ 93%; sau khi xử lý 65 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện các huyện, thành phố đã có 14 đơn hướng dẫn, 16 đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đơn đốc giải quyết 01 đơn và 26 đơn khiếu nại, 08 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền.

¹⁴ Trong đó, số vụ việc thuộc thẩm quyền UBND tỉnh 04 vụ, đã giải quyết 02 vụ; thuộc thẩm quyền UBND huyện, thị xã, thành phố 24 vụ, đã giải quyết được 20 vụ; thuộc thẩm quyền các sở, ban, ngành 01 vụ, đã giải quyết 01 vụ.

khieu nại sai 11 vụ, khiếu nại đúng một phần 04 vụ¹⁵, giải quyết lần hai 08 vụ (gồm công nhận kết quả giải quyết lần đầu 05 vụ, hủy sửa quyết định giải quyết lần đầu 03 vụ); chấp hành đúng thời hạn giải quyết theo quy định 23 vụ (chiếm 70%), giải quyết quá hạn 10 vụ (chiếm 30%).

Đã tổ chức thực hiện xong 11/39 quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện, thu hồi 240/240m² đất (trong đó, đã thực hiện xong 02/23 quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh¹⁶).

3.2. Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền

Tổng số là 12 đơn (01 đơn kỳ trước chuyển sang)¹⁷ với 12 vụ việc (có 11 vụ việc mới phát sinh, tăng 10% so với cùng kỳ), đã giải quyết 11 đơn, đạt 92% trên tổng thụ lý; kết quả: tố cáo sai 09 vụ; tố cáo đúng một phần 02 vụ¹⁸, kiến nghị xử lý hành chính đối với 09 công chức. Chấp hành đúng thời hạn giải quyết theo quy định 11/11 vụ (đạt 100%).

Thi hành xong 04/04 kết luận nội dung tố cáo có hiệu lực pháp luật, đã thực hiện xử lý hành chính xong đối với 09/09 công chức¹⁹.

4. Kết quả giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài và thực hiện kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2021 (Văn bản số 8105/VPCP-V.I ngày 05/11/2021 của Văn phòng Chính phủ, Báo cáo số 55/BC-UBTVQH15 ngày 15/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Thực hiện Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 363/KH-TTCT 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ: qua rà soát, tỉnh không còn loại vụ việc này.²⁰

Thực hiện Công văn số 8105/VPCP-V.I ngày 05/11/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2021, UBND tỉnh Tây Ninh đã có văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh kịp thời chấn chỉnh chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại,

¹⁵ Vụ việc về trình tự xử lý kỷ luật viên chức đối bà Trần Thị Liên, TX Trảng Bàng chưa đảm bảo theo quy định; UBND xã Long Giang, huyện Bến Cầu chậm giải quyết thủ tục; vụ việc Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trãi, thị xã Trảng Bàng chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục giải quyết nghị phép cho giáo viên; Vụ việc UBND xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đúng thẩm quyền.

¹⁶ Trong đó có 14/21 quyết định có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh bị khởi kiện tại Tòa án nhân dân các cấp (09 vụ TAND cấp cao đang thụ lý: vụ bà Hồ Thị Ngọc Loan, thị xã Trảng Bàng và 08 vụ liên quan bao chiếm đất rừng Phòng hộ Dầu Tiếng Tân Châu: Nguyễn Văn Tâm (đã có bản án của Tòa án cấp cao), ông Trần Văn Phước, ông Nguyễn Văn Luân, bà Nguyễn Thị Lý, ông Dương Văn Quảng, ông Dương Văn Minh, Lê Văn Rân, Lê Quang Phục; 05 vụ TAND tỉnh đang thụ lý: vụ ông Lê Văn Hên, thị xã Trảng Bàng và 04 vụ bao chiếm đất rừng Phòng hộ Dầu Tiếng Tân Châu: Trương Văn Thi, Lê Văn Thừa, Nguyễn Thanh Tùng, Lê Đức Nam; chưa có kết quả giải quyết); 01 Quyết định Bộ Tài nguyên và Môi trường Bộ TNMT mới có kết quả giải quyết, UBND tỉnh đã giao UBND thành phố, Sở TNMT và Thanh tra tỉnh tổ chức thực hiện (vụ bà Phạm Thị Thu Cúc, TP.Tây Ninh); các quyết định còn lại, tiếp tục theo dõi đôn đốc, nắm tình hình việc thi hành các quyết định;...

¹⁷ Trong đó giảm 01 đơn tố cáo nhận trong kỳ do UBND huyện Gò Dầu ra thông báo không thụ lý.

¹⁸ Nội dung tố cáo đúng một phần: ông Nguyễn Duy Triệu, Phó Chánh Thanh tra thị xã Trảng Bàng sai sót trong việc đánh giá, tham mưu UBND thị xã ban hành Kết luận thanh tra số 630/KL-UBND ngày 22/5/2020; UBND xã Biên Giới huyện Châu Thành thực hiện giải quyết tranh chấp đất đai không dứt điểm, gây ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự tại địa bàn và ông Lê Hữu Phước, PCT UBND xã Biên Giới huyện Châu Thành sai phạm các quy định về cấp bản sao chứng từ, chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực hợp đồng giao dịch.

¹⁹ Đã xử lý hình thức *khẩn trách* đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Chủ tịch UBND xã Trường Mít, Huyện Dương Minh Châu do có hành vi vi phạm trong công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị tại UBND xã Trường Mít, Huyện Dương Minh Châu; thực hiện kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 08 cá nhân gồm bà Võ Thị Thùy Linh, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Huyện Dương Minh Châu; bà Lê Thị Trà My, bà Nguyễn Thị Thơm công chức Tài chính – Kế toán xã Trường Mít, bà Nguyễn Thanh Thảo, Văn thư, thủ quỹ xã Trường Mít, huyện Dương Minh Châu; ông Nguyễn Duy Triệu, Phó Chánh Thanh tra thị xã Trảng Bàng; ông Lê Văn Hồng, Chủ tịch UBND xã Biên Giới, bà Phạm Thu Trang, Phó Chủ tịch UBND xã Biên Giới, ông Lê Hữu Phước, Phó Chủ tịch UBND xã Biên Giới huyện Châu Thành.

²⁰ Đối với vụ việc khiếu nại của ông Đỗ Văn Lan và một số công dân tại huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh: Sau khi Tổ công tác của Thanh tra Chính phủ làm việc với UBND tỉnh Tây Ninh (vào ngày 10/11/2021), ngày 17/02/2022 Thanh tra Chính phủ có Báo cáo kết quả gửi Thủ tướng Chính phủ xem xét (Báo cáo số 220/BC-TTCT kết luận kiểm tra việc giải quyết của UBND tỉnh Tây Ninh đối với khiếu nại, kiến nghị của các hộ dân trước đây có nội dung tương tự khiếu nại của ông Đỗ Văn Lan và các hộ dân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai tại huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh). UBND tỉnh Tây Ninh đang triển khai thực hiện theo kết luận của Tổ công tác.

tổ cáo²¹. Đồng thời, đã giải quyết xong 01/01 vụ²² do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Báo cáo số 55/BC-UBTVQH15.

Ngoài ra, đối với việc kiểm tra, rà soát các vụ việc KNTC tồn đọng, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCTP của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ kiểm tra, rà soát, thống nhất phương án xử lý giải quyết 10/10 vụ, đã tổ chức thực hiện xong 10/10 vụ.

5. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ có liên quan

Tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình khiếu nại, tố cáo đông người trên địa bàn tỉnh²³; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kịp thời chỉ đạo xử lý những vụ việc bức xúc, đông người không để phát sinh “điểm nóng” khiếu kiện vượt cấp về Trung ương; chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các ngành, các cấp sau giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác TCD, gắn với thực hiện CSDLQG về TCD, giải quyết KNTC giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo triển khai thực hiện thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022 phục vụ kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; triển khai thực hiện các kiến nghị đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2022 phục vụ giám sát của Ban Dân Nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo 05 năm phục vụ Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh; thực hiện đôn đốc việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo nhằm kéo giảm tỷ lệ đơn quá hạn trên địa bàn tỉnh.

III. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5001/KH-UBND ngày 29/12/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022; Thanh tra tỉnh đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn số 01/HD-TTr ngày 04/01/2022 cụ thể hóa một số nội dung công tác PCTN năm 2022 và các năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, các cơ quan trong tỉnh đã ban hành 296 văn bản triển khai tổ chức thực hiện.

²¹ Công văn 4006/UBND-TD ngày 11/11/2021 về việc chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

²² Kết quả giải quyết: Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã giao Giám đốc Sở LĐTBXH rà soát lại vụ việc của ông Nguyễn Quý Đạt, trú tại số 10 đường N6, tổ 40 khu phố 3A, khu dân cư Phú Gia, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và Sở Lao động, Thương binh và xã hội đã có Công văn số 1621/SLĐTBXH-NCC ngày 18/5/2022 về việc trả lời đơn của công dân.

²³ Trong 09 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh không phát sinh điểm nóng nhưng có một số vụ việc giải quyết khiếu nại đã hết thẩm quyền nhưng người dân vẫn tiếp tục gửi đơn, cần phải theo dõi, nắm tình hình, chủ yếu tập trung ở các huyện: Dự án đường Đất Sét – Bến Cui, Huyện Dương Minh Châu; Bến Cầu (vụ việc bà Phạm Thị Gái và 08 hộ dân xin tái định cư dự án đường 786); Tân Châu (07 hộ dân khiếu nại công tác bồi thường DA Trung tâm VHTDTT huyện Tân Châu); Thành phố (19 hộ dân phường Ninh Sơn, TP.Tây Ninh) các hộ dân bao chiếm đất rừng trên địa bàn huyện Tân Châu, Tân Biên; Vụ việc của bà H.T.A tố cáo UBND Huyện Dương Minh Châu không thực hiện kết luận của Tỉnh, đề dân lấn chiếm lưu không Sông Sài gòn; vụ việc của bà Nguyễn Thị Thu Thoa khiếu nại về ranh đất và lưu không Kênh tiêu Suối Lùn tại xã Chà Lã, Huyện Dương Minh Châu, đã được Đài VTV9 phản ánh.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN (CLQG) và chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương (BCĐTW) về PCTN, tiêu cực: UBND tỉnh đã có Công văn số 412/UBND-NC ngày 24/02/2022 chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Đài Phát thanh Truyền hình Tây Ninh xây dựng kế hoạch lộ trình xử lý dứt điểm 02 vụ việc thuộc diện theo dõi của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, TC và định kỳ tham mưu UBND tỉnh tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng: UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022; theo chế độ báo cáo sẽ có kết quả vào Quý I/2023. Ngoài ra, công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan, ban ngành có thẩm quyền tiếp tục tăng cường rà soát, phát hiện sơ hở cơ chế thể kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ, trong kỳ chưa phát sinh kiến nghị.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN, tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về PCTN: Tỉnh không có cơ quan chuyên trách thực hiện công tác PCTN theo quy định của Luật PCTN.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN: Trong kỳ báo cáo, hình thức tuyên truyền về PCTN chủ yếu là tuyên truyền nội bộ, tổ tự quản; kết quả các cấp, các ngành đã tổ chức tuyên truyền 1127 cuộc/43.091 lượt người.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Tây Ninh đã rà soát và niêm yết công khai toàn bộ thủ tục hành chính trên trang điện tử <https://dichvucong.tayninh.gov.vn> và bộ phận một cửa; công khai tài chính ngân sách; công tác cán bộ; chế độ của cán bộ, công chức, viên chức và các lĩnh vực khác cần công khai theo quy định chuyên ngành như giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường, xây dựng cơ bản, đấu thầu v.v theo quy định pháp luật.

Các cơ quan đã tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai minh bạch tại 16 cơ quan, đơn vị²⁴; đã phát hiện 02 cơ quan, đơn vị vi phạm²⁵.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong kỳ, các cấp, các ngành chức năng đã xây dựng 261 văn bản mới, bãi bỏ 01 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tiến hành 14 cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý sử dụng tài chính liên quan đến chế độ, định mức, tiêu chuẩn²⁶; phát hiện sai phạm 14 vụ/42 người với sai phạm đã phát hiện và xử lý là 537.408.774 đồng²⁷.

²⁴ Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về công khai, minh bạch (16): **Trảng Bàng** (02: UBND phường Gia Lộc, Phòng LĐTBXH); **Sở Xây dựng** (01: Phòng Quy hoạch và Phát triển đô thị); **Châu Thành** (11: UBND xã An Bình, Mẫu giáo Thanh Điền, Mẫu giáo Phước Vinh, Mẫu giáo Hòa Thành, Tiểu học Phạm Văn Nô, Tiểu học Ngô Thất Sơn, Tiểu học Bến Sỏi, Tiểu học Thanh Điền, THCS Hào Đức, THCS Phước Vinh, THCS Long Vĩnh); **Thanh tra tỉnh** (01: UBND thị xã Trảng Bàng); **Dương Minh Châu** (01: UBND xã Cầu Khởi).

²⁵ Sai phạm về công khai, minh bạch (02): **Châu Thành** (01: Mẫu giáo Phước Vinh); **Dương Minh Châu** (01: UBND xã Cầu Khởi).
²⁶ Thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, định mức (14 cuộc/16 đơn vị): **Thanh tra tỉnh** (02 cuộc/02 đơn vị: Sở Công Thương, UBND thị xã Trảng Bàng); **Châu Thành** (02 cuộc/02 đơn vị: UBND xã An Bình, Mẫu giáo Phước Vinh); **Dương Minh Châu** (03 cuộc/03 đơn vị: UBND xã Trường Mít, UBND xã Bến Cui, UBND xã Phan); **Gò Dầu** (02 cuộc/02 đơn vị: THCS Phước Đông, Phòng GDĐT); **Hòa Thành** (01 cuộc/03 đơn vị: UBND xã Long Thành Nam, UBND phường Long Thành Bắc, UBND xã Trường Đông: 5.190.000 đồng); **Tân Biên** (01 cuộc/01 đơn vị: UBND xã Mỏ Công); **Thành phố Tây Ninh** (01 cuộc/01 đơn vị: Mẫu giáo Thực hành); **Trảng Bàng** (02 cuộc/02 đơn vị: UBND phường Gia Lộc, Phòng LĐTBXH).

²⁷ Sai phạm về tiêu chuẩn, định mức (14 vụ/42 người): **Thanh tra tỉnh** (Sở Công Thương, 01 cá nhân vi phạm là Lữ Thị Thanh Phương, Kế toán, không xác định giá trị sai phạm do chưa quyết toán; UBND thị xã Trảng Bàng, 02 cá nhân vi phạm gồm Trần Tấn Phát, Trần Thị Kiều Anh tại BQLDA thị xã, phát hiện và xử lý 82.534.363 đồng; trong đó 70.400.000 đồng thuộc VP HĐND&UBND thị xã, 4.399.364 đồng thuộc Phòng

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: Trong kỳ các cơ quan trong tỉnh đã tiến hành kiểm tra đối với 02 cơ quan²⁸ về việc thực hiện quy tắc ứng xử, không phát hiện sai phạm; các cơ quan, đơn vị đã tổ chức rà soát định kỳ về xung đột lợi ích, đã phát hiện và xử lý 01 trường hợp xung đột lợi ích²⁹. Ngoài ra, Thanh tra tỉnh đã xây dựng Hướng dẫn số 19/HD-TTr ngày 12/9/2022 hướng dẫn triển khai một số nội dung mới trong công tác PCTN qua đánh giá theo Bộ Chỉ số của Thanh tra Chính phủ năm 2021, trong đó tập trung vào công tác kiểm soát xung đột lợi ích.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn. Trong kỳ, các cơ quan, địa phương đã thực hiện chuyển đổi 50/173 trường hợp nhằm phòng ngừa tham nhũng³⁰.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt: Trong kỳ, toàn tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 404.065 hồ sơ cho người dân³¹, còn tồn 8.519 hồ sơ chưa giải quyết³²; giải quyết 2.349 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích. Trang thông tin điện tử “Hỏi đáp trực tuyến” của tỉnh tiếp tục phát huy vai trò trong thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trong kỳ đã tiếp nhận và phản hồi 865 câu hỏi, qua đó chưa có phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực. Hầu hết các cơ quan đã thực hiện trả lương qua thẻ ATM, còn lại 06 UBND cấp xã chưa thực hiện do thuộc địa bàn khó khăn chưa được lắp đặt trụ ATM³³.

QLĐT, 7.734.999 đồng thuộc BQLDA); Gò Dầu (Trường THCS Phước Đông, 07 cá nhân vi phạm gồm Phan Tấn Tài, Hiệu trưởng, Nguyễn Ngọc Ngân, giáo viên, Đỗ Trần Đức Anh, giáo viên, Trần Thị Huỳnh Hoa, bảo vệ, Nguyễn Thị Anh Thư, kế toán, Hồ Kim Thoại, kế toán, Lê Thị Hương, kế toán, phát hiện và xử lý 125.097.278 đồng; Phòng GDĐT, 03 cá nhân vi phạm gồm Đỗ Văn Minh, Trưởng phòng, Lê Thị Hồng Phượng, kế toán, Võ Duy Dương, chuyên viên, phát hiện và thu hồi 103.451.918 đồng); **Dương Minh Châu** (UBND xã Trường Mít, 03 cá nhân vi phạm gồm Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Chủ tịch - kỷ luật “Khiển trách”, Nguyễn Thị Thơm, Công chức Tài chính - Kế toán, Lê Thị Trà My, Công chức Tài chính - Kế toán, phát hiện và xử lý 3.550.000 đồng; UBND xã Bến Cui, 04 cá nhân vi phạm kiểm điểm rút kinh nghiệm gồm Đặng Anh Dũng, Chủ tịch, Nguyễn Thị Thúy Oanh, Chủ tịch, Nguyễn Thị Ngân, Công chức Tài chính - Kế toán, Nguyễn Thị Anh Thi, Công chức Tài chính - Kế toán, phát hiện và xử lý 57.965.000 đồng; UBND xã Phan, 03 cá nhân vi phạm gồm Huỳnh Trung Tài, Chủ tịch, Võ Thị Thu Hiền, Công chức tài chính - kế toán, Võ Thị Bích Thảo, Công chức tài chính - kế toán, phát hiện và xử lý 3.702.500 đồng); **Châu Thành** (Mẫu giáo Phước Vinh, 03 cá nhân vi phạm kiểm điểm rút kinh nghiệm gồm Lương Thị Thu Hằng, Hiệu trưởng, Trần Thị Thu Trang, Phó Hiệu trưởng, Huỳnh Thu Phương, Kế toán, phát hiện và thu hồi 3.765.000 đồng); **Hòa Thành** (UBND xã Long Thành Nam, 02 cá nhân vi phạm gồm Trần Thiện Thanh, Chủ tịch, Nguyễn Thủy Hiền, Kế toán, phát hiện và thu hồi 3.680.000 đồng; UBND phường Long Thành Bắc, 02 cá nhân vi phạm gồm Huỳnh Văn Út, Chủ tịch, Huỳnh Thanh Dương, Kế toán, phát hiện và thu hồi 3.000.000 đồng; UBND xã Trường Đông, 02 cá nhân vi phạm gồm Nguyễn Thái Sùng, Chủ tịch, Trần Thị Truyền, Kế toán, phát hiện và thu hồi 5.190.000 đồng); **Tân Biên** (UBND xã Mỏ Công, 03 cá nhân vi phạm gồm Nguyễn Thái Sùng, Chủ tịch, Nguyễn Tấn Phong, Công chức Tài chính - Kế toán, Trương Tiểu My, Công chức Tài chính - Kế toán, phát hiện và thu hồi 19.750.000 đồng); **Thành phố Tây Ninh** (Mẫu giáo Thực hành, 02 cá nhân vi phạm gồm Vũ Minh Quyền, Hiệu trưởng, Võ Đăng Vy, Kế toán, phát hiện và thu hồi 19.125.715 đồng); **Trảng Bàng** (UBND phường Gia Lộc, 05 cá nhân vi phạm gồm Lê Long Bá, Chủ tịch - Khiển trách, Tạ Thị Cẩm Hồng, Phó Chủ tịch, Phan Văn Tấn, Phó Chủ tịch, Phan Thu Thà, Kế toán, Võ Thị Thu Thủy, nguyên Kế toán, phát hiện và thu hồi 106.597.000 đồng).

²⁸ Kiểm tra quy tắc ứng xử (02): **Sở Xây dựng** (kiểm tra nội bộ); **Châu Thành** (UBND xã An Bình).

²⁹ Xung đột lợi ích (01): **Thanh tra tỉnh** (01: Trương Văn Dể, Trưởng đoàn Thanh tra trách nhiệm Chủ tịch UBND Thành phố Tây Ninh; cá nhân đã tự phát hiện và đề xuất xử lý bằng hình thức Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ)

³⁰ Chuyển đổi vị trí để phòng ngừa tham nhũng (50/175): **Bến Cầu** (12 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Châu Thành** (21 trường hợp; 01 trường hợp chuyển trong Quý III); **Dương Minh Châu** (21 trường hợp; 04 trường hợp chuyển trong Quý III); **Gò Dầu** (02 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Hòa Thành** (17 trường hợp; 06 trường hợp chuyển trong Quý III); **Tân Biên** (05 trường hợp; 05 trường hợp chuyển trong Quý III); **Tân Châu** (08 trường hợp; 05 trường hợp chuyển trong Quý II); **Thành phố Tây Ninh** (21 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Trảng Bàng** (24 trường hợp; 15 trường hợp chuyển trong Quý III); **BQL CMMN** (Không có trường hợp); **BQL Giao thông** (01 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **BQL KKT** (01 trường hợp; 01 trường hợp đã chuyển trong Quý III); **BQL NNPTNT** (01 trường hợp; 01 trường hợp đã chuyển trong Quý III); **BQL Núi Bà** (Không có trường hợp); **BQL VQG** (04 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **BQL tỉnh** (01 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Đài PTTH** (Không có trường hợp); **Quý ĐPTT** (04 trường hợp; 01 trường hợp đã chuyển trong Quý I); **Sở Công Thương** (01 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở GDĐT** (07 trường hợp; 01 trường hợp đã chuyển trong Quý I); **Sở GTVT** (01 trường hợp; 01 trường hợp chuyển trong Quý II); **Sở KHCN** (02 trường hợp; đã chuyển 02 chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở LĐTBXH** (02 trường hợp; 02 trường hợp chuyển trong Quý III); **Sở NNPTNT** (Không có trường hợp); **Sở Nội vụ** (Không có trường hợp); **Sở Ngoại vụ** (01 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở Tài chính** (02 trường hợp; đã chuyển 01 trường hợp trong Quý III); **Sở TNMT** (09 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở TTTT** (Không có trường hợp); **Sở Tư pháp** (01 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở VHTTDL** (02 trường hợp; chưa chuyển trong 09 tháng đầu năm); **Sở Xây dựng** (03 trường hợp; 03 trường hợp đã chuyển trong Quý III); **Sở Y tế** (Chưa xây dựng kế hoạch); **Thanh tra tỉnh** (01 trường hợp; 01 trường hợp chuyển trong Quý I); **Văn phòng UBND tỉnh** (Không có trường hợp); **Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh** (Không có trường hợp).

³¹ Hồ sơ đã giải quyết: Trước hạn 378.753 hồ sơ; đúng hạn 17.760 hồ sơ; quá hạn 7.552 hồ sơ.

³² Hồ sơ còn tồn: Còn hạn 7.841 hồ sơ; quá hạn 925 hồ sơ.

³³ Chưa trả lương qua ATM: UBND Huyện Dương Minh Châu (UBND các xã: Phước Minh, Phước Ninh, Lộc Ninh, Trường Mít, Bến Cui, Chà Lã).

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn: UBND tỉnh đã tổ chức kê khai TSTN vào cuối năm 2021 cho 2.778 người thuộc diện kê khai³⁴ và công khai các bản kê khai; ngoài ra, trong 09 tháng đầu năm 2022 còn phát sinh 44 trường hợp tổ chức cho kê khai, trong đó 26 trường hợp kê khai lần đầu do mới tuyển dụng và 18 trường hợp kê khai phục vụ công tác cán bộ³⁵; tổ chức thanh tra, kiểm tra về công tác kê khai và công khai tài sản, thu nhập tại 04 cơ quan³⁶, qua đó đã chấn chỉnh, nhắc nhở một số thiếu sót về thủ tục.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 phê duyệt nội dung kế hoạch xác minh năm 2022, trên cơ sở đó Thanh tra tỉnh đã tiếp tục thực hiện quy trình bốc thăm lựa chọn 25 người xác minh và hiện đang thực hiện việc xác minh theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Phát sinh 01 vụ/01 người³⁷ có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cơ quan điều tra, chưa khởi tố.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không phát sinh.

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không phát sinh.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Đã thu hồi 69.979.000 đồng/69.979.000 đồng tài sản tham nhũng³⁸.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không phát sinh.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không phát sinh.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Trong kỳ đã khởi tố 03 vụ án³⁹, 09 bị can⁴⁰; xét

³⁴ Số liệu được tổng hợp trước khi có Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; được thống kê theo chính quyền địa phương. Theo đó, tổng số bản kê khai là 2.778 bản, cụ thể:

- Số lượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ: 34 bản.
- Số lượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của UBND tỉnh: 2.743 bản.

³⁵ Châu Thành (18 trường hợp: 01 kê khai lần đầu; 17 kê khai phục vụ công tác cán bộ); Dương Minh Châu (01 trường hợp kê khai lần đầu); Tân Biên (12 trường hợp kê khai lần đầu); Hòa Thành (07 trường hợp kê khai lần đầu); Tân Châu (05 người kê khai lần đầu); Thanh tra tỉnh (01 trường hợp kê khai phục vụ công tác cán bộ).

³⁶ Thanh tra, kiểm tra về công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập: Thanh tra tỉnh (UBND thị xã Trảng Bàng); UBND Huyện Dương Minh Châu (UBND xã Cầu Khởi, Phòng LĐTĐ); UBND huyện Tân Biên (UBND thị trấn Tân Biên).

³⁷ Phát hiện qua tự kiểm tra (01 vụ, 01 người): Vụ Trương Văn Phước, TTYT huyện Tân Châu.

³⁸ Đã thu hồi tài sản tham nhũng theo kiến nghị thanh tra: Vụ Nguyễn Bảo Long, TH Long Vĩnh, Châu Thành (phát hiện trong năm 2021; đã thu hồi 38.714.000 đồng/69.979.000 đồng trong năm 2021; đã thu hồi 31.265.000 đồng trong 09 tháng đầu năm 2022).

³⁹ Khởi tố vụ án trong kỳ (03 vụ): Vụ Nguyễn Thu Trang, UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (nay là xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng); Vụ Trần Văn Bốn và đồng phạm, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Bến Cầu; Vụ Nguyễn Đức Minh và đồng phạm, Sở Công Thương.

⁴⁰ Khởi tố bị can trong kỳ (09 bị can): Vụ Nguyễn Thu Trang, UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (01 bị can: Nguyễn Thu Trang); Vụ Nguyễn Đức Minh và đồng phạm, Sở Công Thương (02 bị can: Nguyễn Đức Minh, Huỳnh Thị Trà Giang); Vụ Nguyễn Văn Tuấn và đồng phạm, TTYT huyện Châu Thành (Bổ sung 03 bị can: Đỗ Quốc Thắng, Phan Thị Kim Cương, Trần Khắc Khiêm); Vụ Nguyễn Lê Diễm, Trung tâm pháp y, Sở Y tế (01 bị can: Nguyễn Lê Diễm); Vụ Nguyễn Bảo Long và đồng phạm, Trường TH Long Vĩnh, Châu Thành (Bổ sung 02 bị can: Trần Thị Ánh Tiên, Huỳnh Thanh Phong).

xử sơ thẩm: 08 vụ/14 bị cáo⁴¹; xét xử phúc thẩm: 03 vụ/06 bị cáo⁴². Hiện còn lại 10 vụ/30 người đang được xử lý, chưa có kết quả xét xử sơ thẩm⁴³.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện trong kỳ: 390.177.550 đồng⁴⁴.

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong kỳ: 881.522.550 đồng, cụ thể:

+ Bằng biện pháp hành chính: 31.265.000 đồng⁴⁵.

+ Bằng biện pháp tư pháp: 850.257.550 đồng⁴⁶.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Trong kỳ đã xử lý kỷ luật 03 lãnh đạo để xảy ra tham nhũng⁴⁷; xử lý hình sự 01 lãnh đạo để xảy ra tham nhũng⁴⁸; 01 trường hợp hết thời hiệu xử lý kỷ luật nên chỉ thông báo về kết quả xử lý⁴⁹; 04 lãnh đạo đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”⁵⁰.

⁴¹ Xét xử sơ thẩm trong kỳ (08 vụ/14 bị cáo): Vụ Nguyễn Thu Trang, UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (01 bị cáo: Nguyễn Thu Trang 07 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Lê Xuân Long, Trường THCS Suối Ngô, Tân Châu (01 bị cáo: Lê Xuân Long 02 năm tù - Tham ô tài sản và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ); Vụ Phan Minh Mẫn, Sở Y tế (01 bị cáo: Phan Minh Mẫn 15 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Nguyễn Bảo Long và đồng phạm (03 bị cáo: Nguyễn Bảo Long 03 năm 06 tháng tù - Tham ô tài sản và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Trần Thị Ánh Tiên 02 năm tù - Tham ô tài sản; Huỳnh Thanh Phong 02 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Phạm Đình Lập và đồng phạm, BCHQS xã Tân Bình, huyện Tân Biên (02 bị cáo: Phạm Đình Lập 05 năm tù - Tham ô tài sản; Vương Duy Sơn 02 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Nguyễn Thị Thanh Tuyết, Phòng GD&ĐT huyện Gò Dầu (01 bị cáo: Nguyễn Thị Thanh Tuyết 03 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Trang Thị Xuân Mai và đồng phạm, Trường TH Lê Anh Xuân, TP. Tây Ninh (02 bị cáo: Trang Thị Xuân Mai 18 tháng tù - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Phan Thị Kiều Oanh 12 tháng tù - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ); Vụ Đặng Hữu Hạnh và đồng phạm, TTYT thị xã Hòa Thành (03 bị cáo: Đặng Hữu Hạnh 01 năm 06 tháng tù - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Bùi Tiến Đạt 04 năm tù - Tham ô tài sản và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Đỗ Khanh 01 năm tù treo - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ).

⁴² Xét xử phúc thẩm trong kỳ (03 vụ/06 bị cáo): Vụ Nguyễn Thị Thanh Tuyết, Phòng GD&ĐT huyện Gò Dầu (01 bị cáo: Nguyễn Thị Thanh Tuyết 02 năm tù - Tham ô tài sản); Vụ Trang Thị Xuân Mai và đồng phạm, Trường TH Lê Anh Xuân, TP. Tây Ninh (02 bị cáo: Trang Thị Xuân Mai 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Phan Thị Kiều Oanh 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ - Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ); Vụ Đặng Hữu Hạnh và đồng phạm, TTYT thị xã Hòa Thành (Hủy án sơ thẩm với 03/03 bị cáo: Đặng Hữu Hạnh, Bùi Tiến Đạt, Đỗ Khanh).

⁴³ Các vụ còn lại đang được xử lý, chưa có kết quả xét xử sơ thẩm (10 vụ/30 người): Vụ Đỗ Mỹ Linh, Trường TH Bàu Nắng A, Huyện Dương Minh Châu (01 bị can: Đỗ Mỹ Linh. Tình trạng xử lý: Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Trần Văn Bồn và đồng phạm, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Bến Cầu (05 người: Trần Văn Bồn, Lữ Văn Thắng, Trang Hoàng Sỹ, Nguyễn Thị Thủy, Trần Trọng Hữu. Tình trạng xử lý: Đã khởi tố vụ án, chưa khởi tố bị can); Vụ Nguyễn Đức Minh và đồng phạm, Sở Công Thương (02 bị can: Nguyễn Đức Minh, Huỳnh Thị Trà Giang. Tình trạng xử lý: Đã khởi tố bị can, chưa có kết luận điều tra); Vụ Ban Nội chính Tỉnh ủy đề nghị chuyển điều tra tại UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu (Chưa xác định người liên quan. Tình trạng xử lý: Đang tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm); Vụ Nguyễn Văn Tuấn và đồng phạm, TTYT huyện Châu Thành (05 bị can: Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Hoàng Hải, Đỗ Quốc Thắng, Phan Thị Kim Cương, Trần Khắc Khiêm. Tình trạng xử lý: Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Nguyễn Lê Diễm, Trung tâm pháp y (01 bị can: Nguyễn Lê Diễm. Tình trạng xử lý: Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Nguyễn Hồ Diễm, Trường THCS Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (01 bị can: Nguyễn Hồ Diễm, Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Tạ Minh Tông và những người có liên quan, UBND xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên (07 người: Tạ Minh Tông, Nguyễn Văn Bảy, Lê Chí Dũng, Huỳnh Văn Lễ, Nguyễn Trọng Thành, Đoàn Duy Phương, Lê Tấn Thiệt. Tình trạng xử lý: Đang tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm); Vụ Nguyễn Ngọc Mẫn và những người có liên quan, UBND thị trấn Tân Biên - Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tân Biên - Phòng TNMT huyện Tân Biên (05 người: Nguyễn Ngọc Mẫn, Nguyễn Văn Tiến, Đỗ Văn Tuấn, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Sơn. Tình trạng xử lý: Đang tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm); Vụ Đặng Hữu Hạnh và đồng phạm, TTYT thị xã Hòa Thành (03 bị can: Đặng Hữu Hạnh, Bùi Tiến Đạt, Đỗ Khanh. Tình trạng xử lý: Hủy án sơ thẩm để xét xử lại).

⁴⁴ Phát hiện tài sản tham nhũng (390.177.550 đồng): Vụ Phạm Đình Lập và đồng phạm, UBND xã Tân Bình, Tân Biên (390.177.550 đồng - qua điều tra phát hiện thêm). Giảm 60.000.000 đồng so với Báo cáo 06 tháng đầu năm 2022 do vụ Trương Văn Phúc, TTYT huyện Tân Châu đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Châu kết luận không có dấu hiệu tội phạm.

⁴⁵ Thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính (31.265.000 đồng): Vụ Nguyễn Bảo Long, TH Long Vĩnh, Châu Thành (31.265.000 đồng). Giảm 60.000.000 đồng so với Báo cáo 06 tháng đầu năm 2022 do vụ Trương Văn Phúc, TTYT huyện Tân Châu đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Châu kết luận không có dấu hiệu tội phạm.

⁴⁶ Thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp (850.257.550 đồng): Vụ Lê Xuân Long, THCS Suối Ngô, Tân Châu (53.180.000 đồng); Vụ Nguyễn Thị Phương và đồng phạm, Trung tâm quan trắc môi trường, Sở TNMT (151.950.000 đồng); Vụ Phạm Đình Lập và đồng phạm, UBND xã Tân Bình, Tân Biên (327.127.550 đồng); Vụ Nguyễn Văn Tuấn và đồng phạm, TTYT huyện Châu Thành (318.000.000 đồng).

⁴⁷ Xử lý kỷ luật hành chính trách nhiệm lãnh đạo để xảy ra tham nhũng (01 vụ/03 lãnh đạo): Vụ Đỗ Việt Tinh, UBND xã Hòa Hiệp, Tân Biên (03 người: Huỳnh Văn Lễ, nguyên Chủ tịch UBND xã Hòa Hiệp - “Cảnh cáo”; Nguyễn Văn Bảy và Lê Thị Hồng Diễm, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Hòa Hiệp - “Khiển trách”).

⁴⁸ Xử lý hình sự trách nhiệm lãnh đạo để xảy ra tham nhũng (01 vụ/01 người): Vụ Phạm Đình Lập và đồng phạm, BCHQS xã Tân Bình, Tân Biên (01 người: Trần Thị Mai, Chủ tịch UBND xã Tân Bình - 06 tháng cải tạo không giam giữ).

⁴⁹ Trường hợp hết thời hiệu xử lý kỷ luật: Vụ Nguyễn Thị Thanh Tuyết, Phòng GD&ĐT huyện Gò Dầu (01 người: Thái Kim Thành, nguyên Trưởng phòng GD&ĐT huyện Gò Dầu).

⁵⁰ Xử lý hình sự trách nhiệm lãnh đạo để xảy ra tham nhũng đang thực hiện (03 vụ/04 người): Vụ Đỗ Mỹ Linh, Trường TH Bàu Nắng A, Huyện Dương Minh Châu (01 người: Ngô Văn Sung, Hiệu trưởng. Tình trạng xử lý: Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Nguyễn Hồ Diễm, Trường THCS Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (02 người: Nguyễn Văn Em, Hiệu trưởng, Lê Thành Đẹp, nguyên Hiệu trưởng. Tình trạng xử lý: Đã có cáo trạng, chờ xét xử); Vụ Nguyễn Thu Trang, UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (01 người: Lê Văn Em, Chủ tịch UBND xã Phước Lưu. Tình trạng xử lý: Đã khởi tố bị can, chưa có kết luận điều tra).

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Trong kỳ đã thực hiện tạm đình chỉ 02 trường hợp sai phạm; hiện đã chấm dứt tạm đình chỉ 01 trường hợp⁵¹.

g) Kết quả xử lý hành chính: Căn cứ kết quả xét xử, toàn tỉnh đã xử lý kỷ luật 02 vụ/03 người đã có hành vi tham nhũng đã được xét xử⁵².

Các vụ việc, vụ án tham nhũng trên địa bàn không thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh: Phát sinh 02 vụ án⁵³, đang được điều tra, chưa xét xử. Tài sản tham nhũng phát hiện là 5.693.499.882 đồng⁵⁴.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: UBND tỉnh tiếp tục hướng dẫn và yêu cầu các tổ chức, đơn vị khu vực ngoài Nhà nước thực hiện quy định về PCTN khu vực ngoài Nhà nước theo Công văn số 4178/UBND-NC ngày 22/11/2021.

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: Trên địa bàn tỉnh có 05 công ty đại chúng, 18 tổ chức tín dụng⁵⁵ và 21 tổ chức xã hội do UBND tỉnh thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có nội dung huy động nguồn lực của nhân dân để làm từ thiện.

c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Tất cả các tổ chức đã gửi hồ sơ quy định về PCTN về Thanh tra tỉnh; cơ bản đảm bảo quy định.

- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không phát sinh.

- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không phát sinh.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân về quy định Luật Phòng chống tham nhũng thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình. Các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát huy vai trò phản biện xã hội, giám sát hoạt động của Nhà nước, trong đó có công tác PCTN. Kết quả Trong kỳ không phát hiện vụ việc tham nhũng qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội và không phát sinh việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN

Những nội dung hợp tác quốc tế, điều chỉnh cơ chế chính sách không thuộc thẩm quyền của Tỉnh.

7. Kết quả tự đánh giá công tác PCTN theo Bộ chỉ số của TTCP

⁵¹ Tạm đình chỉ công tác: Nguyễn Công Minh, Giám đốc BQLDA Huyện Dương Minh Châu; Phan Minh Mẫn, Thủ quỹ Sở Y tế (đã chấm dứt tạm đình chỉ do đã bị xét xử).

⁵² Vụ tham nhũng của Phạm Thành Lập và đồng phạm, BCHQS xã Tân Bình, huyện Tân Biên: Cách chức Trần Thị Mai, Chủ tịch UBND xã Tân Bình; Buộc thôi việc Phạm Đình Lập, Chỉ huy trưởng BCHQS xã Tân Bình; Vụ tham nhũng của Phan Minh Mẫn, Sở Y tế: Buộc thôi việc Phan Minh Mẫn.

⁵³ Vụ án tham nhũng ngành dọc: Vụ Trần Ngọc Minh Tâm và 04 đồng phạm, Bưu điện thành phố Tây Ninh; Vụ có dấu hiệu tham nhũng tại Đội cấp phát, đổi biển số xe, thu lệ phí xe đăng ký xe cơ giới thuộc Công an thị xã Hòa Thành.

⁵⁴ Tài sản tham nhũng các vụ án ngành dọc (khoảng 5,6 tỷ đồng): Vụ Trần Ngọc Minh Tâm và 04 đồng phạm, Bưu điện thành phố Tây Ninh (3.089.299.882 đồng); Vụ Dương Thị Trúc Đào, Đội cấp phát, đổi biển số xe, thu lệ phí xe đăng ký xe cơ giới thuộc Công an thị xã Hòa Thành (2.604.220.000 đồng).

⁵⁵ Giám 22 tổ chức tín dụng so với báo cáo năm 2021 do qua rà soát đã phát hiện 22 tổ chức này không thuộc thẩm quyền kiểm soát của UBND tỉnh (chi nhánh của các ngân hàng thương mại).

UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 14/6/2022 về kết quả tự đánh giá công tác PCTN năm 2021 gửi về Thanh tra Chính phủ đúng tiến độ; kết quả đã tự đánh giá 68,46 điểm; đối với kết quả công tác PCTN năm 2020 sau thẩm định của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh xây dựng văn bản chấn chỉnh, khắc phục.

(Kèm theo các biểu số liệu quý III và 09 tháng)

Phần II

ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 03 THÁNG CUỐI NĂM 2022

I. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Công tác thanh tra

Trong 09 tháng đầu năm 2022, tiếp tục ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, các cơ quan thanh tra đã chủ động xây dựng, xây dựng kế hoạch thanh tra theo đúng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và đã tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra (đã triển khai 42/47 cuộc thanh tra hành chính theo kế hoạch đầu năm, đạt 89% và 14 cuộc thanh tra đột xuất); đề ra các biện pháp phù hợp với tình thực tế để triển khai các cuộc thanh tra đúng tiến độ; các tổ chức thanh tra đã thực hiện đúng theo Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ không xảy ra việc thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với 01 doanh nghiệp. Công tác giám sát hoạt động đoàn thanh tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra được chú trọng tổ chức thực hiện, đạt khá.

Tuy nhiên, việc nắm thông tin xây dựng kế hoạch thanh tra chưa kịp thời; dự thảo kế luận thanh tra còn nội dung chưa đạt yêu cầu; tại cấp huyện vẫn còn một số kết luận nội dung thanh tra chưa có trọng tâm, chưa đảm bảo với yêu cầu nội dung đề ra của quyết định thanh tra; kết luận chưa nêu được quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, chưa xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, chưa phản ánh đúng nội dung kiểm tra, kiến nghị biện pháp xử lý chưa phù hợp; chưa xác định được cá nhân liên quan để xảy ra hạn chế để làm cơ sở chấn chỉnh, khắc phục.

2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tình hình khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân 9 tháng đầu năm 2022 đã giảm, cụ thể: số lượt tiếp công dân giảm 07%, số đoàn đông người giảm 42%. Nguyên nhân giảm: ý thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính đã quan tâm đến việc ban hành quyết định hành chính, bảo đảm chặt chẽ, phù hợp quy định pháp luật; khi phát sinh thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại thì lãnh đạo đã chỉ đạo kịp thời tăng cường công tác thẩm tra, xác minh, đối thoại với công dân; trong xử lý, hướng dẫn, giải quyết đơn đã kết hợp với tuyên truyền pháp luật cho người dân

hiệu, giải quyết kịp thời những bức xúc của người dân đúng quy định ngay từ cơ sở; việc lồng ghép việc thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo với đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đảng viên, công chức cuối năm đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm tiếp công dân của Thủ trưởng các cấp việc tiếp công dân định kỳ, đến nay, không còn trường hợp thủ trưởng ủy quyền cho cấp phó, phòng chuyên môn tiếp dân định kỳ.

Bên cạnh những mặt làm được cũng còn một số hạn chế:

- Việc tiếp công dân, nhất là tiếp định kỳ của người có thẩm quyền chưa thật sự gắn với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, một số vị trí thuộc nhóm phải chuyển đổi vị trí công tác định kỳ, công chức thay thế cần thời gian tiếp cận công việc nên hiệu quả chưa cao; vẫn còn tình trạng một số hộ dân khiếu kiện liên quan đến đất đai, chính sách xã hội đã được các cơ quan của tỉnh và Trung ương giải quyết đúng pháp luật, hết thẩm quyền nhưng vẫn thường xuyên đến Trụ sở Tiếp công dân để khiếu nại, kiến nghị, gây khó khăn cho cán bộ tiếp công dân.

- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng hạn có chuyển biến mạnh so với cuối năm 2021 (chiếm tỷ lệ 77%) tuy nhiên vẫn còn trường hợp giải quyết quá hạn (chiếm tỷ lệ 23%), nguyên nhân là do: các vụ việc có tính chất phức tạp, liên quan đến đất đai, có tính lịch sử, cần xác minh, thẩm tra nhiều lần; người đứng đầu một số địa phương, đơn vị chưa thật sự quan tâm sâu sát, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; một số cơ quan tham mưu giúp việc chưa thật sự trách nhiệm trong thực hiện.

- Tỷ lệ thi hành xong các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh còn thấp, nguyên nhân: tiếp tục khởi kiện hành chính; nhiều vụ việc có tính tiết phức tạp, phải thực hiện theo lộ trình, phải lấy ý kiến của các ngành liên quan và ý kiến chỉ đạo của cấp trên; một số đơn vị cung cấp thông tin không đảm bảo yêu cầu và một phần do tình hình dịch Covid-19.

- Vẫn còn 05 đơn vị cấp xã chưa thực hiện chế độ bồi dưỡng cho người thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định.

- Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của một số địa phương, đơn vị chưa phản ánh đúng thực tế; số liệu báo cáo ở một vài đơn vị chưa chặt chẽ.

*** Dự báo tình hình**

Trong thời gian tới, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp khi nhà nước đầu tư, triển khai các dự án có liên quan đến thu hồi đất để thực hiện các dự án (như dự án đường Đất Sét - Bến Cui Dương Minh Châu; Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài; khiếu kiện của các hộ dân đối với việc xử lý vi phạm hành chính liên quan đến đất rừng của huyện Tân Châu...); một số vụ việc giải quyết khiếu nại đã hết thẩm quyền nhưng người dân vẫn tiếp tục gửi đơn (vụ việc bà Phạm Thị Gái và 08 hộ dân xin tái định cư dự án đường 786 Bến Cầu); các hộ dân sử dụng sai mục đích đất rừng trên địa bàn huyện Tân Châu, Tân Biên.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN

UBND tỉnh đã triển khai kịp thời kế hoạch công tác PCTN năm 2022; Thanh tra tỉnh phát huy vai trò cơ quan tham mưu trong việc ban hành Hướng dẫn chi tiết thi

hành công tác PCTN năm 2022 và các năm tiếp theo; tạo cơ sở cho các ngành, địa phương cụ thể hóa thực hiện ngay đầu năm, đặc biệt đẩy mạnh công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, từ đó đạt được những kết quả tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn có những hạn chế như việc điều tra, xét xử một số vụ án cũ phát hiện từ những năm trước còn chậm; việc xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu nơi xảy ra các vụ việc, vụ án còn chưa chủ động, chưa đúng quy định pháp luật. Một số cơ quan, đơn vị chưa thể hiện tính trách nhiệm trong việc thực hiện công tác PCTN như: chưa chủ động triển khai một số nội dung phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; việc chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo, cung cấp tài liệu minh chứng phục vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh hằng năm, v.v còn hạn chế.

b) So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Công tác PCTN tuy còn một số hạn chế, nhưng nhìn chung so với kỳ trước đã dần được cải thiện, thúc đẩy tại các cơ quan, địa phương; việc chủ động kiểm tra, tự kiểm tra, thanh tra có trọng tâm, trọng điểm đã đạt được những kết quả nhất định kịp thời phát hiện dấu hiệu hành vi tham nhũng, chuyển cơ quan điều tra xử lý.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN: Tỉnh đã nỗ lực để hoàn thành tất cả các mục tiêu PCTN theo quy định, tuy nhiên một số nội dung như PCTN trong khu vực ngoài Nhà nước, xác minh tài sản, thu nhập cũng như công tác xử lý tham nhũng còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách chưa được giải đáp, hướng dẫn nên chưa đạt được như mục tiêu.

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN:

Qua kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng tại Phòng GDĐT huyện Gò Dầu (vụ bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết), có 02 vấn đề sau đây cần làm rõ:

- Quan điểm của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Gò Dầu về tính chất sai phạm của bà Tuyết là nghiêm trọng do đã được thể hiện cụ thể trong Bản án. Tuy nhiên, vì bà Tuyết có một số tình tiết giảm nhẹ như vi phạm lần đầu, thành khẩn khai nhận, v.v nên mới được xử ở khung ít nghiêm trọng; điều này không đồng nghĩa làm giảm trách nhiệm lãnh đạo để xảy ra tham nhũng của ông Thái Kim Thành, nguyên Trưởng phòng GDĐT huyện Gò Dầu. Vấn đề này Thanh tra tỉnh đã kiến nghị Thanh tra Chính phủ từ năm 2019 để tránh xử lý thiếu nhất quán, bỏ lọt sai phạm nhưng vẫn chưa được xử lý.

- Quy định hiện hành chưa cụ thể về cách thức xác định thời hiệu xử lý kỷ luật trong trường hợp xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng cụ thể là mốc thời gian “thời điểm có hành vi vi phạm”, còn nhiều cách hiểu khác nhau.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Công tác thanh tra

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo toàn ngành thanh tra triển khai thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ các cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2022 đã được lãnh đạo các cấp phê duyệt và các cuộc thanh tra đột xuất đảm bảo đúng định hướng, có chất lượng, hiệu quả cao, linh hoạt, sáng tạo, vừa phù hợp với thực tế, bảo đảm thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid-19 gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày

29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Chỉ thị số 20/CT-TTg về thanh tra không vượt quá 01 lần/năm đối với 01 doanh nghiệp, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; chuẩn bị năm tình hình xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2023.

Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kể cả thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, gắn với chất lượng kết luận thanh tra; tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác xử lý sau thanh tra.

2. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường kiểm tra, rà soát các lĩnh vực liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở; công khai, minh bạch các chủ trương chính sách cho người dân, nhằm hạn chế thấp nhất việc phát sinh khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Tiếp Công dân, Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 và Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị, người đứng đầu phải trực tiếp tiếp công dân định kỳ, khi tiếp định kỳ phải gắn với vụ việc cụ thể, nhất là các vụ việc phức tạp, có dấu hiệu hình thành điểm nóng để chỉ đạo kịp thời, chặt chẽ; tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở, trực tiếp đối thoại với công dân, nhất là vụ việc phức tạp, đông người; nêu cao trách nhiệm của thủ trưởng, người được giao thụ lý; cải cách thủ tục hành chính, lồng ghép việc thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo với đánh giá đảng viên, công chức cuối năm; tiếp tục triển khai, thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác TCD, gắn với thực hiện CSDLQG về TCD, giải quyết KNTC giai đoạn 2021-2025" gắn với thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khiếu nại tại một số đơn vị, địa phương theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trách nhiệm đối với thủ trưởng các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kịp thời chấn chỉnh khắc phục có hiệu quả các hạn chế. Đôn đốc, tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp về đất đai đã có hiệu lực pháp luật; kiên quyết xử lý các trường hợp khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết thỏa đáng, có lý, có tình, đúng pháp luật, hết thẩm quyền nhưng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây mất an ninh trật tự tại trụ sở các cơ quan nhà nước và nơi công cộng.

UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo các xã, phường, thị trấn chưa thực hiện chế độ bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tiếp công dân phải thực hiện chế độ này theo đúng quy định của pháp luật, Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh, nếu chưa thực hiện phải báo cáo rõ lý do và hướng khắc phục.

Kịp thời củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo số lượng và chất lượng; quan tâm hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng

a) Phương hướng chung trong thời gian tới

- Tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.
- Xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng bị phát hiện.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

- Tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng bị phát hiện.
- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn quy định pháp luật về PCTN cho các cơ quan, địa phương thực hiện; tăng cường công tác thanh tra theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung dễ phát sinh sai phạm, tiêu cực về tham nhũng; khảo sát trực tiếp tại một số tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước theo kế hoạch để tham mưu chỉ đạo thực hiện đảm bảo bám sát nội dung của bộ chỉ số PCTN của Thanh tra Chính phủ.

- Tiếp tục tinh thần chỉ đạo tại buổi tập huấn trong tháng 05/2022 của lãnh đạo Cục IV, Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường tất cả cách thức, biện pháp để phát hiện, xử lý nhiều vụ tham nhũng, xử lý trách nhiệm lãnh đạo để xảy ra tham nhũng.

- Tập trung triển khai kiểm tra công tác PCTN đối với các tổ chức và doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước.

- Chuẩn bị phục vụ Đoàn Thanh tra trách nhiệm Chủ tịch UBND tỉnh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, trong đó có nội dung công tác PCTN; chuẩn bị yêu cầu các cơ quan, địa phương rà soát, cung cấp hồ sơ công tác PCTN năm 2022 theo Bộ Chỉ số của Thanh tra Chính phủ bảo đảm tiến độ, chất lượng làm cơ sở nhận định những hạn chế, thiếu sót để chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế: Tiếp tục phát hiện những vấn đề khó khăn, vướng mắc thông qua công tác nghiên cứu pháp lý và công tác chuyên môn để kiến nghị Thanh tra Chính phủ, thông qua các kênh phản ánh trực tuyến hay trực tiếp như Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, v.v để tiếp tục góp ý điều chỉnh, sửa đổi cơ chế pháp luật chặt chẽ hơn.

III. KIẾN NGHỊ

1. Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC

Kiến nghị cấp có thẩm quyền sớm xem xét, ban hành Quy trình giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh của công dân. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi một số nội dung trong Luật Khiếu nại năm 2011 (UBND tỉnh đã báo cáo).

Kiến nghị các cơ quan Trung ương xem xét, kiên quyết từ chối tiếp công dân và không chuyển đơn khiếu nại, tố cáo về UBND tỉnh đối với những vụ việc đã giải quyết đúng pháp luật, hết thẩm quyền, đã có ý kiến kết luận của Bộ, ngành Trung ương và Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị Thanh tra Chính phủ sớm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đồng thời, sớm điều chỉnh, đồng bộ Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ.

2. Công tác phòng, chống tham nhũng

Kiến nghị TTCP tiếp tục thường xuyên quan tâm, hướng dẫn giải quyết các khó khăn, vướng mắc của địa phương; đồng thời xem xét, điều chỉnh nội dung Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN hằng năm phù hợp hơn với thực tiễn, tạo cơ sở cho các cơ quan, địa phương nhận diện những mặt hạn chế trong công tác PCTN, từ đó có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 vẫn còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2148/KH-TTCP ngày 06/12/2021 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Thanh tra năm 2022 và tạo điều kiện cho các đối tượng cán bộ quản lý, người đứng đầu cấp ủy và cán bộ làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp tại địa phương, kiến nghị Thanh tra Chính phủ, Trường Cán bộ Thanh tra quan tâm xây dựng, tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng về công tác này theo hình thức học trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng 09 tháng đầu năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2022, UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: TU; HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, tp;
- LĐVP; P.NC;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4 +5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	42	3	39	30	12	26	36	2.856	2.785	2.333	0	523	2.785	6	109	0	0	0
Sở, ngành	21	4	17	17	4	8	11	6.528	4.424	676	0	5.853	4.424	0	35	1	1	0
Tổng	63	7	56	47	16	34	47	9.384	7.209	3.008	0	6.375	7.209	6	144	1	1	0

19. Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số: 02/TTtr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m2)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng Số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Huyện, TX, TP	45	0	21	24	2.584	2.137	58.641	25.653	2.068	1.210	43.119	0	9	108	4	69	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	22	0	9	13	16.299	995	0	0	6.015	5.717	2.923.300	0	0	40	0	35	0	0	0	0	0	0
Tổng	67	0	30	37	18.883	3.132	58.641	25.653	8.083	6.927	2.966.419	0	9	148	4	104	0	0	0	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 03/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	3	2	1	3	0	3	3	838	0	819	0	19	0	0	9	0	0	0
Sở ngành	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	4	2	2	4	0	3	3	838	0	819	0	19	0	0	9	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 04/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	19	0	19	14	5	14	22	2.018	0	1.514	0	504	0	6	78	0	0	0
Sở ngành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	19	0	19	14	5	14	22	2.018	0	1.514	0	504	0	6	78	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 05/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	7	1	6	1	6	4	5	0	2.785	0	0	0	2.785	3	11	0	0	0
Sở ngành	5	2	3	3	2	1	3	4.142	4.424	0	0	4.142	4.424	0	0	0	0	0
Tổng	12	3	9	4	8	5	8	4.142	7.209	0	0	4.142	7.209	3	11	0	0	0

19. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

09 tháng đầu năm 2022

Biểu 06/TT

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)																																
Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra		
																																Phân loại
	Tổng số	Triển khai từ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất															Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức			
MS	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17+18	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32
Huyện, TX, Thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Số, ngành	5.588	11	5.577	27	5.535	26	5.562	159	547	158	22.417	514	116	398	0	0	0	0	0	0	0	455	85	370	5.414	2.920	2.493	0	0	0	1	1
Tổng	5.588	11	5.577	27	5.535	26	5.562	159	547	158	22.417	514	116	398	0	0	0	0	0	0	0	455	85	370	5.414	2.920	2.493	0	0	0	1	1

33. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 07/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

09 tháng đầu năm 2022.

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Huyện, TX, TP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	0	0	0	0	0	0	5.414	2.920	2.493	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	5.414	2.920	2.493	0	0	0	0	0	0

15. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
BTCD tỉnh	11	0			227												
Huyện, TX, TP	0	0	0	1.303	44.663	11	5	6	0	11	0	0	7	0	11	0	0
Sở ngành	0	0	0	2	277	5	3	3	0	27	0	0	1	0	0	0	0
Tổng	11	0	0	1.305	45.167	16	8	9	0	38	0	0	8	0	11	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT
09 tháng đầu năm 2022

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp								Uy quyền tiếp									
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+1 3+22	2=5+1 4+23	3=6+7 +15+ 16+ 24 +25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Ban tiếp CD	136	227	100	136	227	79	18	1	64	1	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện, TX, TP	918	874	846	587	584	548	34	0	0	0	0	5.155	331	290	219	45	6	30	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	146	145	145	125	124	123	1	0	0	0	0	283	21	21	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1.200	1.246	1.091	848	935	750	53	1	64	1	0	5.448	352	311	240	45	6	30	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	số vụ việc	số đơn	Số vụ việc						
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết			
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Ban tiếp CD	10	97	5	27	3	11	2	59	0	0	10	97	90	6	1	1	0	
Huyện, TX, TP	445	846	18	19	4	4	423	823	401	422	44	424	394	30	0	0	0	
Sở, ngành	79	145	0	1	0	3	79	141	76	76	3	69	68	1	0	0	0	
Tổng	534	1.088	23	47	7	18	504	1.023	477	498	57	590	552	37	1	1	0	

18. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Ban tiếp CD	316	0	0	0	14	302	0	316	119	119	32	6	81	13	9	4	93	11	5	2	4	108	32	71	5	57
Huyện, TX, TP	1.055	0	2	0	10	1.043	0	1.055	976	976	43	22	911	109	10	73	784	753	26	8	719	223	12	211	0	18
Sở, ngành	291	0	0	0	5	283	3	291	221	221	52	20	149	2	1	6	212	86	3	1	82	135	38	95	2	18
Tổng	1.662	0	2	0	29	1.628	3	1.662	1.316	1.316	127	48	1.141	124	20	83	1.089	850	34	11	805	466	82	377	7	93

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 02/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn ký trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn ký trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11+15+16	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+	27	28	29	30
Ban tiếp CD	118	0	0	4	114	118	0	118	32	32	29	0	28	1	3	0	0	7	2	0	0	23	5	1	4	27	12	11	4	25
Huyện, TX, TP	55	0	2	1	52	55	2	53	43	43	40	1	16	23	1	0	2	9	0	0	1	33	26	21	5	17	8	9	0	0
Sở, ngành	70	0	0	1	69	70	0	70	52	52	12	5	5	2	7	0	33	2	0	0	0	50	3	1	2	49	20	29	0	14
Tổng	243	0	2	6	235	243	2	241	127	127	81	6	49	26	11	0	35	18	2	0	1	106	34	23	11	93	40	49	4	39

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung									Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển n đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+18+...	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30+	30	31	32	33	
Ban tiếp CD	22	0	0	0	0	22	0	22	0	22	6	6	5	0	2	3	0	0	1	0	0	4	0	0	2	2	0	2	4	2	2	0	3	
Huyện, TX, TP	27	0	0	0	0	26	1	27	0	27	22	22	16	0	1	11	4	2	0	0	4	20	1	0	1	8	7	1	14	6	7	1	0	
Số. ngành	28	0	0	0	0	26	2	28	0	28	20	20	13	0	3	4	6	0	1	0	6	18	1	0	1	1	1	0	19	9	10	0	0	
Tổng	77	0	0	0	0	74	3	77	0	77	48	48	34	0	6	18	10	2	2	0	10	42	2	0	4	11	8	3	37	17	19	1	3	

34. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Ban tiếp CD	176	0	0	0	10	166	0	176	0	176	81	81	0	61	8	12	10	4	67	4	77	76	1	22
Huyện, TX, TP	973	0	0	0	8	965	0	973	0	973	911	911	8	697	13	193	114	67	730	719	192	192	0	22
Sở, ngành	193	0	0	0	4	184	5	193	0	193	149	149	11	36	6	96	1	2	146	82	67	64	3	4
Tổng	1.342	0	0	0	22	1.315	5	1.342	0	1.342	1.141	1.141	19	794	27	301	125	73	943	805	336	332	4	48

25. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 01/KQGC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Ký trước chuyên sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)														
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Ban tiếp CD	6	1	5	6	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	2	3	
Huyện, TX, TP	34	8	26	34	18	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	3	2	2	20	7
Sở, ngành	3	0	3	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
Tổng	43	9	34	43	23	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	4	5	3	23	10

28. Ghi chú

Biểu 02/KQGQ

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																		Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Cá nhân				Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức								
													Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)															
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10+11+12	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Ban tiếp CD	2		2	2	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0
Huyện, TX, TP	9	1	8	9	1	8	4	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0	6	1	2	0	8	0
Sở, ngành	1	0	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
Tổng	12	1	11	12	3	11	5	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0	9	3	2	0	11	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 04/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TÓ CÁO
09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả								Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân							
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Ban tiếp CD																								
Huyện, TX, TP	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	0	0
Sở, ngành	0	0																						
Tổng	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TRONG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	296
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	1127
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	43.091
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	16
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	2
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	261
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	13
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	14
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	14

13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	42
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	42
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	537,4
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	537,4
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	1
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	50
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	1877
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	1818
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	Không thuộc

31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	thẩm quyền
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	2832 ¹
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	25
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	4
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	1
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	1
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	1
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	1
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng (Theo Luật PCTN, địa phương không có cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng; các cơ quan thanh tra chỉ tham mưu QLNN về lĩnh vực PCTN)	Vụ	Không thuộc thẩm quyền

¹ Số liệu được tổng hợp trước khi có Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; được thống kê theo chính quyền địa phương. Theo đó, tổng số bản kê khai là 2.788 bản, cụ thể:

- Số lượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ: 34 bản.
- Số lượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của UBTVQH: 01 bản.
- Số lượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh: 2743 bản.

Số lượng phát sinh sau kỳ kê khai tập trung năm 2021 là 44 bản; trong đó 26 bản kê khai lần đầu và 18 bản kê khai phục vụ công tác cán bộ.

	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Vụ	Không thuộc thẩm quyền
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	Không thuộc thẩm quyền
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Người	Không thuộc thẩm quyền
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0

	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	3
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	9
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	5
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	1
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	3
66.1	- Khiển trách	Người	2
66.2	- Cảnh cáo	Người	1
66.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	8
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	14
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	9
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	4
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	1
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0

69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	2
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	3
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	10
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	30
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	390,177
74	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	881,522
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	31,265
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	850,257
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được	m ²	0
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC			
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	44
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà	Người	0

	nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự		
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG
ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Vụ có dấu hiệu tham nhũng tại TTYT huyện Tân Châu, Sở Y tế	TTYT huyện Tân Châu	Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Tân Châu	<p>Giám đốc TTYT huyện Tân Châu qua tự kiểm tra, phát hiện kiến nghị chuyển cơ quan điều tra sai phạm của ông Trương Văn Phúc, trưởng khoa Dược liên quan đến số tiền chênh lệch 60 triệu đồng khi mua khẩu trang N95 (hợp đồng mua 3000 khẩu trang của Singapore giá 35.000đ/chiếc nhưng nhận loại khác giá 15.000đ/chiếc).</p> <p>Vụ việc phát hiện vào ngày 01/10/2021, đến ngày 16/02/2022 TTYT huyện chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu.</p> <p>Ngày 22/02/2022, Công an huyện thụ lý tin báo.</p>	Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu ra quyết định đình chỉ thụ lý tin báo tội phạm, lý do không có dấu hiệu tội phạm.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	35	9	26	27	8	19	29	1.314	2.785	897	0	417	2.785	6	76	0	0	0
Sở, ngành	15	7	8	14	1	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tổng	50	16	34	41	9	21	32	1.314	2.785	896	0	417	2.785	6	76	1	1	0

19. Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số: 02/TTtr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m2)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng Số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Huyện, TX, TP	35	0	11	24	1.554	1.106	48.591	15.603	1.732	873	43.119	0	9	83	4	44	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	17	0	4	13	16.269	965	0	0	5.979	5.681	2.923.300	0	0	34	0	29	0	0	0	0	0	0
Tổng	52	0	15	37	17.823	2.071	48.591	15.603	7.710	6.554	2.966.419	0	9	117	4	73	0	0	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số: 03/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	1	1	0	1	0	1	1	19	0	0	0	19	0	0	0	0	0	0
Sở ngành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	1	0	1	0	1	1	19	0	0	0	19	0	0	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số: 04/TTtr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	
Ms	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	16	6	10	12	4	11	19	1.295	0	897	0	398	0	6	65	0	0	0
Sở ngành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	16	6	10	12	4	11	19	1.295	0	897	0	398	0	6	65	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số: 05/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Huyện, TX, TP	6	1	5	2	4	3	4	0	2.785	0	0	0	2.785	0	0	0	0	0
Sở ngành	4	4	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	10	5	5	4	6	3	4	0	2.785	0	0	0	2.785	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Quý III/2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)																																						
Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra							
	Tổng số	Phân loại						Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Bảng tiền			Bảng hình thức khác			Vu	Đối tượng						
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất																			Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân			Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân
MS	1=2+3=4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17=18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32						
Huyện, Thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
Số, ngành	2.442	18	2.424	0	2.425	17	2.416	121	288	108	8.668	286	83	203	0	0	0	0	0	0	0	240	62	178	3.354	2.375	979	0	0	0	0	0	0					
Tổng	2.442	18	2.424	0	2.425	17	2.416	121	288	108	8.668	286	83	203	0	0	0	0	0	0	0	240	-62	178	3.354	2.375	979	0	0	0	0	0	0					

33. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 07/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Huyện, TX, TP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	0	0	0	0	0	0	3.354	2.375	979	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	3.354	2.375	979	0	0	0	0	0	0

15. Ghi chú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Quý III/2022

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
BTCĐ tỉnh	1	0	0	0	66	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện, TX, TP	0	0	0	658	24.746	10	4	5	0	11	0	0	5	0	7	0	0
Sở ngành	0	0	0	1	65	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	0	659	24.877	12	4	5	0	11	0	0	5	0	7	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 01/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYỀN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỢT XUẤT
Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đợt xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp								Uy quyền tiếp									
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	$1=4+13+2_2$	$2=5+14+2_3$	$3=6+7+15+16+24+25$	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Ban tiếp CD	53	66	34	53	66	29	5	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huyện, TX, TP	508	455	447	312	311	293	16	0	0	0	0	2.140	196	144	112	26	2	6	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	60	59	59	47	46	46	0	0	0	0	0	110	13	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	621	580	540	412	423	368	21	0	0	0	0	2.254	209	157	125	26	2	6	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tổ cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	số vụ việc	số đơn	Số vụ việc						
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết			
MS	1=3+5+7 =9+11	2=4+6+8 =10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Ban tiếp CD	3	34	2	10	1	2	0	22	0	0	3	34	32	2	0	0	0	
Huyện, TX, TP	234	447	11	12	3	3	220	432	211	223	23	224	208	16	0	0	0	
Sở, ngành	38	59	0	0	0	3	38	59	36	36	2	23	23	0	0	0	0	
Tổng	275	540	13	22	4	8	258	513	247	259	28	281	263	18	0	0	0	

18. Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Ban tiếp CD	102	0	0	0	9	93	0	102	46	46	13	3	30	6	8	2	30	7	2	2	3	39	9	28	2	27
Huyện, TX, TP	422	0	0	0	5	417	0	422	405	405	19	7	379	62	0	55	288	316	11	2	303	89	5	84	0	12
Sở, ngành	114	0	0	0	2	112	0	114	91	91	21	7	63	0	0	4	87	40	2	1	37	51	15	34	2	1
Tổng	638	0	0	0	16	622	0	638	542	542	53	17	472	68	8	61	405	363	15	5	343	179	29	146	4	40

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Biểu 02/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý	Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ		Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
												Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn		Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11+15+16+17=18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+	27	28	29	30	
Ban tiếp CD	30	0	0	4	26	30	0	30	13	13	11	0	10	1	2	0	0	3	1	0	0	9	2	1	1	11	8	1	2	11	
Huyện, TX, TP	20	0	0	0	20	20	0	20	19	19	17	0	7	10	1	0	1	2	0	0	1	16	11	10	1	8	2	6	0	0	
Sở, ngành	24	0	0	0	24	24	0	24	21	21	6	4	1	1	6	0	9	1	0	0	0	20	2	0	2	19	9	10	0	0	
Tổng	74	0	0	4	70	74	0	74	53	53	34	4	18	12	9	0	10	6	1	0	1	45	15	11	4	38	19	17	2	11	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 03/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn ký trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn ký trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+18+...+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30+	30	31	32	33	
Ban tiếp CD	8	0	0	0	0	8	0	8	0	8	3	3	2	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0	2	2	0	2	1	0	1	0	3	
Huyện, TX, TP	9	0	0	0	0	9	0	9	0	9	7	7	6	0	1	4	1	0	0	0	1	6	1	0	0	2	2	0	5	3	5	1	0	
Sở, ngành	10	0	0	0	0	10	0	10	0	10	7	7	6	0	2	2	2	0	0	0	1	7	0	0	0	1	1	0	6	3	3	0	0	
Tổng	27	0	0	0	0	27	0	27	0	27	17	17	14	0	3	8	3	0	1	0	2	14	1	0	2	5	3	2	12	6	9	1	3	

34. Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn độc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+...+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Ban tiếp CD	64	0	0	0	5	59	0	64	0	64	30	30	0	23	0	7	8	2	20	3	27	27	0	13
Huyện, TX, TP	393	0	0	0	3	390	0	393	0	393	379	379	0	312	8	59	61	53	265	303	76	76	0	12
Sở, ngành	80	0	0	0	2	78	0	80	0	80	63	63	4	21	1	37	0	1	62	37	26	24	2	1
Tổng	537	0	0	0	10	527	0	537	0	537	472	472	4	356	9	103	69	56	347	343	129	127	2	26

25. Ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 01/KQG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Quý III/2022

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định		
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)															Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Ban tiếp CD	4	2	2	4	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	2
Huyện, TX, TP	14	3	11	14	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	7	0
Sở, ngành	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	20	5	15	20	6	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	1	8	2

28. Ghi chú

Biểu 02/KQGQ

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN
Quý III/2022

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																	Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết		
	Tổng số	Ký trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết				Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định	
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không đo rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Cá nhân			Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức									
													Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)																Đất (m²)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10=24+26+28=30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Ban tiếp CD	2	0	2	2	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0
Huyện, TX, TP	3	1	2	3	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	1	0	1	0	2	0
Sở, ngành	1	0	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
Tổng	6	1	5	6	2	5	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	4	2	1	0	5	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu 04/KQGQ

TTỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO
Quý III/2022

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận di thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả								Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân							
			Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Ban tiếp CD																								
Huyện, TX, TP	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	8	0	0	0
Sở, ngành	0	0																						
Tổng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	8	0	0	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TRONG QUÝ III/2022**

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	632
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	27.441
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	3
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	2
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	12
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	7
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	8

13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	22
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	40
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	165,4
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	165,4
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	1
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	40
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	1877
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	1818
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	Không thuộc

31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	thẩm quyền
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	35
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	25
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	4
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng (Theo Luật PCTN, địa phương không có cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng; các cơ quan thanh tra chỉ tham mưu QLNN về lĩnh vực PCTN)	Vụ	Không thuộc thẩm quyền
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Vụ	Không thuộc thẩm quyền
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	Không thuộc thẩm

			quyền
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Người	Không thuộc thẩm quyền
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		

58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	2
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	2
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	1
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
66.1	- Khiển trách	Người	0
66.2	- Cảnh cáo	Người	0
66.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	4
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	7
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	3
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	3
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	1
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	1
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	1
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	10
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	30

	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
73	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	390,177
74	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	417,542
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	30,775
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	386,767
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được	m ²	0
77	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	44
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài	Triệu đồng	0

	sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)		
--	---	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG
ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG QUÝ III/2022**

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không phát sinh				

